

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Số: *3368* /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày *05* tháng *12* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tiền Giang

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH TIỀN GIANG	
CÔNG VĂN	Số: <i>160</i>
ĐẾN	Ngày: <i>9/12/2022</i>
	Chức vụ:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1795/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn Điều lệ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam;

Căn cứ Hướng dẫn số 104/HD-LHHVN, ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về thực hiện một số điều của Điều lệ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam;

Xét đề nghị của Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tại Công văn số 63/LHH-VP ngày 24 tháng 5 năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2654/SNV-TCCC ngày 23 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tiền Giang nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tiền Giang, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *t.d*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NC(Quốc). *26 N*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Moai*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật
tỉnh Tiền Giang**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3368 /QĐ-UBND ngày 05/12/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

Chương I

TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 1. Tôn chỉ, mục đích

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tiền Giang (gọi tắt là Liên hiệp Hội) là tổ chức chính trị - xã hội của trí thức khoa học và công nghệ tỉnh Tiền Giang. Tên tiếng Anh là: Tiengiang Union of Science and Technology Associations (viết tắt là TUSTA).

2. Mục đích hoạt động của Liên hiệp Hội là tập hợp, đoàn kết, phát huy sức sáng tạo của đội ngũ trí thức khoa học – công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội tỉnh nhà, góp phần bảo vệ Tổ quốc và thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Điều 2. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Liên hiệp Hội có tư cách pháp nhân, tổ chức bộ máy, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo Điều lệ Liên hiệp Hội Việt Nam, Quy chế tổ chức và hoạt động của Liên hiệp Hội (gọi tắt là Quy chế) và tuân thủ pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trụ sở của Liên hiệp Hội đặt tại: số 27/9, Nguyễn An Ninh, phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Liên hiệp Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh Tiền Giang, trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn (gọi chung là khoa học - công nghệ).

2. Liên hiệp Hội là thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (Liên hiệp Hội Việt Nam), thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (UBMTTQ) Việt Nam tỉnh Tiền Giang. Liên hiệp Hội chịu sự lãnh đạo toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, quản lý nhà nước của Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Đoàn kết, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Không vì mục đích lợi nhuận.
4. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Liên hiệp Hội Việt Nam.

Chương II **CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ**

Điều 5. Chức năng

1. Tập hợp, đoàn kết đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ hoạt động trên địa bàn tỉnh, kết nối với đội ngũ trí thức ngoài tỉnh và nước ngoài; điều hòa, phối hợp và hướng dẫn hoạt động của các Hội thành viên Liên hiệp Hội.
2. Làm cầu nối giữa các Hội thành viên với các cơ quan của Đảng, Nhà nước, UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức khác nhằm phối hợp giải quyết những vấn đề liên quan đến đội ngũ trí thức.
3. Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức thành viên, trí thức khoa học – công nghệ trong tỉnh.

Điều 6. Nhiệm vụ

1. Xây dựng và phát triển tổ chức bộ máy của Liên hiệp Hội và các đơn vị thành viên; phối hợp và hỗ trợ hoạt động của các hội thành viên, thành viên liên kết.
2. Vận động trí thức khoa học – công nghệ
 - a) Phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân, tinh thần hợp tác, tính cộng đồng, tính trung thực và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ trí thức khoa học – công nghệ của tỉnh;
 - b) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước trong đội ngũ trí thức khoa học – công nghệ;
 - c) Vận động trí thức khoa học - công nghệ trên địa bàn tỉnh, ngoài tỉnh và nước ngoài tham gia, đóng góp tài năng trí tuệ trong quá trình xây dựng và phát triển tỉnh Tiền Giang;
 - d) Tạo điều kiện nâng cao trình độ nghề nghiệp, góp phần cải thiện đời sống tinh thần, vật chất của những người làm công tác khoa học – công nghệ.
3. Tổ chức thực hiện các hoạt động
 - a) Tư vấn, phản biện và giám định xã hội, góp phần xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định và thực hiện các chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, các dự án đầu tư quan trọng của Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh;
 - b) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao các tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo thích hợp vào sản xuất, đời sống, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

c) Phổ biến kiến thức khoa học – công nghệ trong nhân dân; tổ chức, hướng dẫn và khuyến khích phong trào sáng tạo của nhân dân trong lĩnh vực khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Phối hợp tổ chức các cuộc hội thảo khoa học, hội nghị tập huấn kiến thức cho hội viên và cộng đồng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho các đơn vị thành viên cũng như hiệu quả ứng dụng khoa học – công nghệ của cộng đồng dân cư;

đ) Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân và các hoạt động xã hội hóa khác.

4. Thực hiện vai trò thành viên của UBMTTQ Việt Nam tỉnh Tiền Giang

a) Phối hợp với các tổ chức thành viên của UBMTTQ Việt Nam tỉnh, triển khai các hoạt động chung nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

b) Phản ánh nguyện vọng và ý kiến đóng góp của đội ngũ trí thức khoa học – công nghệ với Đảng, Nhà nước và UBMTTQ Việt Nam tỉnh Tiền Giang.

5. Phối hợp với tổ chức có liên quan tham gia các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế liên quan đến khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI THÀNH VIÊN, THÀNH VIÊN LIÊN KẾT

Điều 7. Tiêu chuẩn Hội thành viên, thành viên liên kết của Liên hiệp Hội

Liên hiệp Hội gồm có các Hội thành viên, thành viên liên kết.

1. Hội thành viên là các hội, hiệp hội hoạt động hợp pháp trong các lĩnh vực khoa học – công nghệ trong tỉnh; có tư cách pháp nhân, có quyền tự chủ, tự quản, có Điều lệ hoặc Quy chế phù hợp với Điều lệ Liên hiệp hội Việt Nam và Quy chế của Liên hiệp Hội tán thành Quy chế của Liên hiệp Hội và tự nguyện làm đơn gia nhập Liên hiệp Hội.

2. Thành viên liên kết là các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học - công nghệ có đóng góp cho sự phát triển của Liên hiệp Hội, tán thành Quy chế Liên hiệp Hội, tự nguyện làm đơn gia nhập Liên hiệp Hội.

Điều 8. Nghĩa vụ của Hội thành viên, thành viên liên kết

1. Chấp hành Quy chế tổ chức, hoạt động và các nghị quyết, quy định của Liên hiệp Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Liên hiệp Hội; đoàn kết, hỗ trợ, hợp tác để xây dựng Liên hiệp Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín chung của Liên hiệp Hội, góp phần mở rộng và nâng cao vị thế của Liên hiệp Hội.

4. Không được nhân danh Liên hiệp Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Liên hiệp Hội phân công bằng văn bản.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo hoạt động theo quy định của Liên hiệp Hội (báo cáo hoạt động hàng tháng, quý, 6 tháng, năm...).

6. Trước khi tổ chức Đại hội nhiệm kỳ không quá 30 ngày, ban lãnh đạo Hội thành viên phải có văn bản báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đồng thời, báo cáo Liên hiệp Hội và cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực hoạt động (quy định tại Điều 24 Nghị định 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ).

7. Thành viên liên kết có nghĩa vụ như hội thành viên (trừ nội dung khoản 6 Điều này).

Điều 9. Quyền của đơn vị thành viên

1. Được Liên hiệp Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được cung cấp, tiếp cận thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp Hội, được tham gia các hoạt động do Liên hiệp Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chương trình công tác theo quy định của Liên hiệp Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp Hội.

4. Được tham dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các chức danh lãnh đạo Liên hiệp Hội và Ban kiểm tra theo quy định của Liên hiệp Hội.

5. Được khen thưởng theo quy định của Liên hiệp Hội.

6. Được ra khỏi Liên hiệp Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là thành viên.

7. Lãnh đạo Hội thành viên và thành viên liên kết có quyền biểu quyết một số vấn đề của Liên hiệp Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành Liên hiệp Hội.

Điều 10. Thủ tục kết nạp Hội thành viên, thành viên liên kết; thủ tục ra khỏi Liên hiệp Hội

1. Thủ tục kết nạp Hội thành viên, thành viên liên kết: Các tổ chức hội; các tổ chức khoa học – công nghệ có nguyện vọng tham gia nhập làm thành viên của Liên hiệp Hội thì gửi hồ sơ, gồm:

a) Đơn xin gia nhập thành viên Liên hiệp Hội (theo mẫu quy định).

b) Quyết định cho phép thành lập hội (hoặc tương đương đối với tổ chức khác) hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (đối với thành viên liên kết).

c) 02 ảnh 3x4 của đại diện lãnh đạo tổ chức, hội.

2. Thủ tục ra Liên hiệp Hội: Các đơn vị thành viên khi xét thấy không còn đủ điều kiện hoặc không có nguyện vọng tiếp tục tham gia thành viên của Liên hiệp Hội thì gửi đơn đề nghị xin ra khỏi Liên hiệp Hội (nêu rõ lý do).

3. Thẩm quyền kết nạp và giải quyết ra khỏi Liên hiệp Hội: Thường trực Liên hiệp Hội xem xét, có ý kiến trước khi trình Ban Chấp hành tổ chức cuộc

hợp, với trên 1/2 ủy viên có mặt và biểu quyết thống nhất kết nạp Hội thành viên hoặc không tiếp tục làm Hội thành viên, thành viên liên kết.

Điều 11. Cơ chế phối hợp giữa Liên hiệp Hội với các Hội thành viên, thành viên liên kết

1. Ngoài các nội dung phối hợp hoạt động giữa Liên hiệp Hội với các Hội thành viên và thành viên liên kết được quy định tại Quy chế này, trong thực tế, nhằm tạo điều kiện cho các bên phối hợp, hỗ trợ để thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình, Liên hiệp Hội và Hội thành viên, thành viên liên kết có thể ký kết chương trình phối hợp riêng nhằm triển khai các chương trình kế hoạch theo chủ trương của Hội ngành cấp trên hoặc theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, hoặc theo định hướng chiến lược của Liên hiệp Hội, Hội thành viên, thành viên liên kết.

2. Nội dung chương trình phối hợp cần bám sát chức năng, nhiệm vụ, tiềm năng, thế mạnh, sở trường của hai bên.

3. Thời hạn ký kết có thể được tính theo nhiệm kỳ đại hội của một trong hai bên.

Chương IV
CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA LIÊN HIỆP HỘI

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Liên hiệp Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Thường trực.
5. Ban Kiểm tra.
6. Bộ phận giúp việc.
7. Các Hội thành viên, thành viên liên kết và tổ chức thuộc Liên hiệp Hội.

Điều 12. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên hiệp Hội là đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có yêu cầu của ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành hoặc có trên 1/2 (một phần hai) Hội thành viên đề nghị.

2. Nhiệm vụ của Đại hội

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Liên hiệp Hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, báo cáo của Ban Kiểm tra Liên hiệp Hội và báo cáo tài chính;

b) Thảo luận, biểu quyết việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Liên hiệp Hội;

c) Bầu Ban Chấp hành Liên hiệp Hội.

d) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

3. Nguyên tắc biểu quyết của Đại hội

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

Điều 13. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Liên hiệp Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, do Đại hội bầu, bao gồm đại diện lãnh đạo của các Hội thành viên, thành viên liên kết và đại diện lãnh đạo một số sở, ngành tỉnh có liên quan, được Ban Chấp hành khóa trước giới thiệu. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành, thể thức bầu do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành

a) Tổ chức triển khai thực hiện Điều lệ, Nghị quyết Đại hội, Quy chế của Liên hiệp Hội; lãnh đạo mọi hoạt động của Liên hiệp Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình toàn khóa, kế hoạch công tác hàng năm của Liên hiệp Hội;

d) Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động Liên hiệp hội phù hợp với Điều lệ Liên hiệp Hội Việt Nam và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành; Bầu Ban kiểm tra và Trưởng ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Thường vụ không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành không quá 1/5 số ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội bầu.

e) Quyết định kết nạp các hội thành viên, thành viên liên kết mới và xem xét đơn của các Hội thành viên, thành viên liên kết xin ra khỏi Liên hiệp Hội.

3. Nhiệm vụ quyền hạn của ủy viên Ban Chấp hành: Ủy viên Ban Chấp hành là đại diện các hội và các tổ chức thành viên sẽ được phân công phụ trách công tác hội, công tác trí thức tại các hội, các đơn vị thành viên và cơ quan trực thuộc của Liên hiệp Hội; đồng thời thực hiện các quyền hạn theo nhiệm vụ do Ban Chấp hành phân công.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Liên hiệp Hội và tuân thủ quy định của pháp luật;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 2 lần (vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm), có thể họp bất thường khi có yêu cầu trên 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên hiệp Hội.

Điều 14. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ, thể thức bầu do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Quy chế của Liên hiệp Hội; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Liên hiệp Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Liên hiệp Hội; thành lập các tổ chức thuộc Liên hiệp Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Liên hiệp Hội;

d) Phân công các ủy viên Ban Thường vụ theo dõi, hỗ trợ hoạt động của các Hội thành viên.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế của Liên hiệp Hội, tuân thủ quy định của pháp luật;

b) Ban Thường vụ 3 tháng họp một lần (vào đầu mỗi quý của năm), có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Liên hiệp Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết

tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có cùng ý kiến với Chủ tịch Liên hiệp Hội.

Điều 15. Thường trực

Thường trực Liên hiệp Hội gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Tổng thư ký do Ban Chấp hành bầu, giúp Ban Chấp hành điều hành hoạt động Liên hiệp Hội và chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành. Thường trực có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành;
2. Xây dựng, tổ chức thực hiện các quy chế phối hợp hoạt động, các văn bản liên tịch với các cơ quan Nhà nước, các tổ chức thành viên;
3. Chuẩn bị nội dung và tổ chức các hội nghị của Ban Chấp hành; giải quyết những công việc giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành;
4. Điều hòa, phối hợp hoạt động giữa Liên hiệp Hội với các cơ quan Đảng, nhà nước liên quan, các hội thành viên, thành viên liên kết và các tổ chức trực thuộc;
5. Hướng dẫn, kiểm tra công tác các Hội thành viên, các tổ chức trực thuộc trong phối hợp triển khai thực hiện các chương trình công tác của Liên hiệp Hội;
6. Giải quyết các công việc đột xuất, cấp bách và có trách nhiệm báo cáo với Ban Chấp hành tại phiên họp gần nhất;
7. Điều hành hoạt động của bộ máy tổ chức tại cơ quan Liên hiệp Hội; phối hợp với Chi bộ và Công đoàn cơ sở chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, viên chức cơ quan Liên hiệp Hội;
8. Xây dựng, quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất và các nguồn tài chính của Liên hiệp Hội.

Điều 15. Chủ tịch

1. Chủ tịch là đại diện pháp nhân của Liên hiệp Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Liên hiệp Hội. Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Chủ tịch thực hiện theo quy định của pháp luật về hội và có trình độ từ đại học trở lên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Liên hiệp Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Liên hiệp Hội theo Quy chế Liên hiệp Hội, Nghị quyết Đại hội và các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên hiệp Hội;

b) Quyết định các công việc đột xuất và chịu trách nhiệm về các quyết định đó, sau đó thông báo lại với Thường trực Liên hiệp Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

- d) Thay mặt Ban Chấp hành ký các văn bản của Liên hiệp Hội;
- đ) Xử lý công việc theo phân công của Thường trực.

Điều 16. Phó Chủ tịch

Các Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành đề xuất theo quy định của pháp luật và có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên.

Các Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Liên hiệp Hội theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Các Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế Liên hiệp Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Tổng Thư ký Liên hiệp Hội

1. Tổng thư ký do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành.
2. Nhiệm vụ của Tổng thư ký
 - a) Điều phối hoạt động của Văn phòng và bộ phận nghiệp vụ;
 - b) Tham mưu Ban Chấp hành triển khai các chương trình, Nghị quyết, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên hiệp Hội;
 - c) Tham mưu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ tổ chức các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ (định kỳ, bất thường) theo Quy chế.
 - d) Tổng Thư ký được thay mặt hoặc thừa lệnh ký các văn bản của Thường trực khi được ủy quyền.
3. Trường hợp chức danh Tổng thư ký bị khuyết mà Ban Chấp hành Liên hiệp Hội chưa thể tiến hành tổ chức bầu bổ sung, Phó Chủ tịch chuyên trách sẽ kiêm nhiệm chức danh Tổng thư ký.

Điều 18. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm Chủ nhiệm và một số ủy viên do Ban Chấp hành bầu. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra và thể thức bầu do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra
 - a) Kiểm tra thực hiện Quy chế Liên hiệp Hội; việc thực hiện Nghị quyết Đại hội, các nghị quyết khi có dấu hiệu vi phạm việc chấp hành Điều lệ của Liên hiệp Hội Việt Nam; các quyết định của Ban Chấp hành trong hoạt động của các tổ chức, trực thuộc Liên hiệp Hội, Hội thành viên, thành viên liên kết;
 - b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, đơn vị thành viên và công dân gửi đến Liên hiệp Hội;
 - c) Hướng dẫn hoạt động cho Ban Kiểm tra các Hội thành viên;
 - d) Kiểm tra việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Liên hiệp Hội;

đ) Kiến nghị Ban chấp hành Liên hiệp Hội hình thức kỷ luật các tổ chức, cá nhân vi phạm.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế Liên hiệp Hội và tuân thủ quy định của pháp luật, 3 tháng họp 1 lần (sau mỗi quý) hoặc có thể họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch hoặc của Trưởng ban Kiểm tra.

4. Trưởng ban Kiểm tra

Trưởng ban Kiểm tra chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Ban Kiểm tra trước Ban Chấp hành và Ủy ban Kiểm tra Liên hiệp Hội Việt Nam. Chủ nhiệm có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Thay mặt Ban Kiểm tra tổ chức, hướng dẫn, chỉ đạo mọi hoạt động của Ban Kiểm tra, giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp của Ban Kiểm tra;

b) Ký các văn bản của Ban Kiểm tra gửi cấp trên và triệu tập các cuộc họp thường xuyên hoặc đột xuất của Ban Kiểm tra.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Liên hiệp Hội

Việc chia, tách, sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Liên hiệp Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, Nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 20. Tài chính, tài sản của Liên hiệp Hội

1. Nguồn tài chính và tài sản của Liên hiệp Hội, gồm:

a) Kinh phí và cơ sở vật chất do Nhà nước cấp để đảm bảo hoạt động;

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do các cơ quan Đảng và Nhà nước giao;

c) Đóng góp của các Hội thành viên và các tổ chức trực thuộc;

d) Tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

đ) Các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Nguồn tài chính và tài sản của Liên hiệp Hội thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Liên hiệp Hội.

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên hiệp Hội

1. Tài chính, tài sản của Liên hiệp Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động Liên hiệp Hội.

2. Tài chính, tài sản của Liên hiệp Hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành kiểm tra, hướng dẫn Liên hiệp Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên hiệp Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên hiệp Hội.

Chương VII **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 22. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân, Hội thành viên, thành viên liên kết của Liên hiệp Hội có thành tích xuất sắc được Liên hiệp Hội khen thưởng hoặc được Liên hiệp Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Liên hiệp Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong Liên hiệp Hội theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của Liên hiệp Hội.

Điều 23. Kỷ luật

1. Tổ chức, cá nhân, Hội thành viên, thành viên liên kết của Liên hiệp Hội vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Liên hiệp Hội Việt Nam, Quy chế Liên hiệp Hội, các quy định hoạt động của Liên hiệp Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, đưa ra khỏi danh sách và khai trừ ra khỏi Liên hiệp Hội.

2. Ban Chấp hành Liên hiệp Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Liên hiệp Hội theo quy định của pháp luật và Quy chế Liên hiệp Hội.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế Liên hiệp Hội

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Liên hiệp Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức tại đại hội tán thành thông qua.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế Liên hiệp Hội gồm có 8 Chương, 25 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Ban Chấp hành Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tiền Giang, nhiệm kỳ IV (2021-2026) có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này./.